

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82/2023/DS-ST**

Ngày: 14-8-2023

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TIỀN GIANG

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Thi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Minh Khương**

2. Ông **Nguyễn Tấn Phúc**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Phan Văn Chung**- Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Tiền Giang tham gia phiên toà:** Bà **Kiều Thị Mỹ Tiên**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 225/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-DS ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị P** sinh năm 1967 (có mặt).

HKTT: xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Trần P1** sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người làm chứng:*

- Ông **Đỗ Văn S** sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Ông **Nguyễn Văn C** sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã PL, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **Lê Thị P** trình bày:

Bà có phần đất có diện tích 0,22ha tại xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Phần đất này bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc H vào năm 2007 và chưa được cấp chủ quyền nhưng có làm bảng thỏa thuận sang nhượng đất thổ cư có xác nhận của ông Đào Văn Th (Chủ tịch UBND xã L1). Nguồn gốc đất từ ông Trịnh Công H1 nhận khoán với Nông trường TL đã có đơn xin thanh lý và giao cho ông H vào năm 2003. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H đã giao toàn quyền cho bà canh tác, sản xuất trên phần đất này, bà đã đóng tiền điện, tiền nước, tiền bơm tác chống úng hàng năm với chính quyền địa phương từ năm 2006 đến năm 2022.

Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất đã có sẵn cây bạch đàn, trà chanh, trà bưởi vàng, sộp..., bà có nhờ ông Nguyễn Văn H2 xịt cỏ phá hoang, thuê công trồng mít, xoài nhiều lần. Sau đó ông Phạm Đình T1 xịt thuốc phá hoang toàn bộ mít, xoài của bà nên bà đã báo Công an và Ủy ban, ông H1 thừa nhận là ông thuê ông Tường xịt thuốc phá hoang chết hết cây. Sau đó ông H1 kiện bà, bà phản tố lại, sự việc này ông H1 đã rút đơn khởi kiện và bà cũng rút đơn phản tố nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Đến ngày 19/01/2012, bà thuê Đỗ Văn S trồng và chăm sóc 1.000 cây bạch đàn với mật độ trồng khoảng 0,3-0,4m/cây.

Vào khoảng tháng 12/2016, bà liên hệ với ông Phạm Văn C để bán cây, ông C đã trả giá là 30.000.000 đồng và bà đồng ý bán nhưng ông C hẹn qua tết năm 2016 mới đốn cây thì bà đồng ý. Việc thỏa thuận mua bán cây và giá cả thì không có làm giấy tờ.

Đến ngày 23/12/2016, ông P1 thuê người vào đốn toàn bộ cây trồng trên phần đất 0,22ha nêu trên, bà có ngăn cản nên ông P1 có làm giấy mua cây và xác nhận thuê công đốn cây.

Nay yêu cầu ông P1 bồi thường số cây trồng mà ông P1 đã đốn trên đất của bà đã trồng cây có trị giá là 30.000.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Trần P1 trình bày:*

Vào khoảng năm 2016, ông có mua cây của ông Trịnh Công H1 với giá 4.000.000 đồng. Ông đã giao đủ tiền và đốn cây xong.

Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P. Giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự và người làm chứng: Xét thấy, ông Phạm Trần P1, ông Đỗ Văn S và ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P1, ông S và ông C.

[2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị P yêu cầu ông Phạm Trần P1 bồi thường số cây trồng mà ông P1 đã đốn trên đất của bà P có trị giá là 30.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Từ ngày 20 đến ngày 23/12/2016, ông Phạm Trần P1 thuê người vào đốn toàn bộ cây trồng trên phần đất 0,22ha tại xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang, bà P có ngăn cản nên ông P1 có làm giấy mua cây (BL 07) và xác nhận thuê công đốn cây (BL 08) nên làm phát sinh phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Nguồn gốc những cây trồng trên phần đất nêu trên là khi bà P nhận chuyển nhượng đất thì trên đất đã có sẵn cây và bà P thuê ông Đỗ Văn S trồng thêm cây và chăm sóc cây (BL 37). Những cây này được ông Nguyễn Văn C trả giá 30.000.000 đồng (BL 92) và đồng ý mua nhưng hẹn qua tết năm 2016 mới đốn cây thì đến ngày 20/12/2016, ông P1 thuê người vào đốn toàn bộ cây nêu trên gây thiệt hại cho bà P. Do đó, bà P yêu cầu ông P1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 584 , khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự.

[3] Ông Phạm Trần P1 cho rằng ông có mua cây của ông Trịnh Công H1 với giá 4.000.000 đồng, ông đã giao đủ tiền, đốn cây xong và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Xét thấy, ông P1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh và không cung cấp địa chỉ hiện nay của ông Trịnh Công H1 để Tòa án tiến hành lấy lời khai trong khi ông H1 và bà P có tranh chấp liên quan đến phần đất 0,22ha tại xã L1, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bà P cung cấp được xác nhận của ông Đỗ Văn S về việc trồng và chăm sóc cây, xác nhận của ông C đồng ý mua cây với giá 30.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông P1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà P số tiền 30.000.000đ phù hợp theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với một phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Ông Phạm Trần P1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

- Buộc ông Phạm Trần P1 bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị P số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Trần P1 phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị P 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 18969 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Tiền Giang.

Án tuyên lúc 15 giờ 30 phút ngày 14 tháng 8 năm 2023, có mặt bà P; ông P1 vắng mặt không có lý do.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với bà P được tính từ ngày tuyên án; đối với ông P1 được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi